

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THỐNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	-	2.265.934.103

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.521.949.425	-	1.823.638.607	-
Tạm ứng	1.517.949.425	-	1.354.480.511	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	23.945.096	-
Phải thu khác	4.000.000	-	445.213.000	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và TM Tiến Phúc Bắc Ninh	1.900.066.527	-
Trả trước cho các đối tượng khác	1.142.712.341	174.373.974
Cộng	5.042.778.868	2.174.373.974

(*) Trả trước tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp Đa nghề Phúc Thọ. Chi tiết theo Thuyết minh số 13.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.011.780.102	-	8.757.359.056	-
Công cụ, dụng cụ	95.639.619	-	75.618.410	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.600.048.415	-	832.604.415	-
Thành phẩm	2.431.823.151	-	1.049.547.754	-
Hàng hoá	1.306.014.405	-	875.703.217	-
Cộng	13.445.305.692	-	11.590.832.852	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	12.250.003	51.777.570
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12.250.003	51.777.570
Dài hạn	94.067.952	256.348.399
Chi phí sửa chữa	81.521.614	236.725.746
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12.546.338	19.622.653

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

11. NỢ XẤU

Thời gian quá hạn	31/12/2016		01/01/2016		Dự phòng	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
Năm	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Giấy Nam Giang	-	-	103.051.448	-	(103.051.448)	
Công ty Cổ phần dịch vụ đầu tư Long Giang	310.653.346	93.196.004	340.653.346	170.326.673	(170.326.673)	
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Việt Hải	174.830.460	87.415.230	-	-	-	
Công ty Cổ phần In và Bao bì Việt Nam	545.139.713	381.597.799	(163.541.914)	-	-	
Các đối tượng khác	303.016.558	52.457.012	(250.559.546)	104.654.376	(399.150.079)	
	128.159.851	-	(128.159.851)	-	(290.309.058)	
	174.856.707	52.457.012	(122.399.695)	5.167.800	(12.058.200)	
				189.510.007	(94.755.004)	
				6.759.390	(2.027.817)	
				4.731.573		
Cộng	1.333.640.077	614.666.045	(718.974.032)	274.981.049	(672.528.200)	

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THỐNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ				
- Nhà	1.745.042.927	-	-	1.745.042.927
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
- Nhà	1.485.033.341	120.975.528	-	1.606.008.869
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
- Nhà	260.009.586	-	120.975.528	139.034.058

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.522.116.291	9.522.116.291	9.522.116.291	9.522.116.291
Dự án di chuyển địa điểm Công ty (*)	8.928.782.350	8.928.782.350	8.928.782.350	8.928.782.350
Tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ	8.928.782.350	8.928.782.350	8.928.782.350	8.928.782.350
Hệ thống xử lý nước thải	593.333.941	593.333.941	593.333.941	593.333.941
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	-	-	1.200.000	1.200.000
Chi phí sửa chữa Xí nghiệp Bột lửa	-	-	1.200.000	1.200.000
Cộng	9.522.116.291	9.522.116.291	9.523.316.291	9.523.316.291

(*): Căn cứ theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty đang thực hiện chủ trương di dời nhà máy sản xuất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại số 670 Ngô Gia Tự - Long Biên - Hà Nội. Tháng 10/2012, Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng nguyên tắc số 24/2011/HĐNT-SHL ngày 25/07/2011 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng trả lại số tiền mà Công ty đã ứng trước tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ với giá trị 11.821.660.585 đồng, bao gồm: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 8.928.782.350 đồng, thuế GTGT được khấu trừ: 892.878.235 đồng, trả trước cho người bán: 2.000.000.000 đồng. Tòa án nhân dân quận Ba Đình theo Biên bản xét xử sơ thẩm số 13/2013/HNGĐ-ST ngày 28/11/2013 đã tuyên vô hiệu Hợp đồng kinh tế nói trên, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng phải trả lại cho Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất số tiền đã ứng trước nêu trên. Tuy nhiên, theo Bản án số 29/2014/KDTM-PT ngày 17/04/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định hủy bản án sơ thẩm số 13/2013/KDTM-ST ngày 28/11/2013 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình nói trên, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Ba Đình để giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung. Ngày 10/10/2016 Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã ra Quyết định số 15/QĐ-TA tiếp tục giải quyết vụ kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	10.576.596.861	16.882.123.379	4.862.726.343	159.540.000	32.480.986.583
Mua trong năm	-	51.818.182	90.909.091	-	142.727.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(110.253.905)	-	(110.253.905)
Tại ngày 31/12/2016	10.576.596.861	16.933.941.561	4.843.381.529	159.540.000	32.513.459.951
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	9.929.912.502	10.743.652.259	4.051.535.304	89.761.259	24.814.861.324
Khấu hao trong năm	186.235.419	1.674.996.084	208.037.090	30.687.799	2.099.956.392
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(110.253.905)	-	(110.253.905)
Tại ngày 31/12/2016	10.116.147.921	12.418.648.343	4.149.318.489	120.449.058	26.804.563.811
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	646.684.359	6.138.471.120	811.191.039	69.778.741	7.666.125.259
Tại ngày 31/12/2016	460.448.940	4.515.293.218	694.063.040	39.090.942	5.708.896.140
<i>Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng</i>	7.969.987.299	6.935.766.175	3.517.929.887	-	18.423.683.361

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng, chi tiết theo Thuyết minh số 17.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.335.935.273	3.634.380.243	10.439.020.145	10.439.020.145
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Phúc Bắc Ninh	-	-	4.122.390.054	4.122.390.054
Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	582.870.026	582.870.026	1.408.303.163	1.408.303.163
Công ty Cổ phần Giấy Mạnh Đạt	608.358.630	608.358.630	328.727.300	328.727.300
Công ty Giấy Phát Đạt (TNHH)	701.555.030	-	376.769.800	376.769.800
Phải trả cho các đối tượng khác	2.443.151.587	2.443.151.587	4.202.829.828	4.202.829.828
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	5.718.175	5.718.175	-	-
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà				

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	218.487.893	4.043.687.278	4.056.672.694	205.502.477				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(1.072.900)	815.226.171	814.153.271	-				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.613.340	428.756.564	344.265.500	168.104.404				
Thuế thu nhập cá nhân	6.742.952	117.093.100	117.135.250	6.700.802				
Các loại thuế khác	-	3.586.215.612	3.586.215.612	-				
Cộng	307.771.285	8.990.978.725	8.918.442.327	380.307.683				
Trong đó:								
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.072.900							
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	308.844.185							

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (VND) (*)	2.956.468.495	2.956.468.495	4.605.258.677	6.625.334.594	4.976.544.412	4.976.544.412
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (USD)	1.000.000.000	1.000.000.000	2.648.790.182	5.031.981.994	3.383.191.812	3.383.191.812
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (**)	-	-	-	1.593.352.600	1.593.352.600	1.593.352.600
	1.956.468.495	1.956.468.495	1.956.468.495	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	2.956.468.495	2.956.468.495	4.605.258.677	6.625.334.594	4.976.544.412	4.976.544.412

(*): Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01a/2016/40491/HĐTD ngày 18/11/2016 với số tiền vay 1 tỷ đồng, mục đích vay là thanh toán công nợ mua giấy sóng phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn 6 tháng với lãi suất 7,7%/năm. Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng tổng giá trị 2.267 triệu đồng và số dư trên tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thành Đô và các tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết với các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng, sử dụng tài sản nguồn vốn khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty.

(**): Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT128-DTN ngày 20/12/2016, hạn mức cấp tín dụng là 5 tỷ đồng có thời hạn đến ngày 15/12/2017. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng, lãi suất vay được ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/360 ngày. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 01/2016/HĐTCHH/NHCT128-DTN ngày 20/12/2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THỐNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	465.300.097	641.878.626
Chi phí vận chuyển, quảng cáo, sửa chữa	149.806.900	87.624.336
Chi phí tiền điện	295.580.505	550.834.290
Chi phí tiền ăn ca	3.744.000	3.420.000
Các chi phí khác	16.168.692	-
Dài hạn	-	-

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	12.410.999.400	12.155.589.199
Kinh phí công đoàn	96.970.759	43.574.819
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	247.663.000	-
Thanh toán tạm ứng chưa chi tiền	71.637.275	24.433.904
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.108.475.000	10.108.475.000
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình (*)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>108.475.000</i>	<i>108.475.000</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.886.253.366	1.979.105.476
<i>Trường mầm non Thống Nhất</i>	<i>1.482.689.652</i>	<i>1.075.541.762</i>
<i>Tiền thanh lý khu nhà tập thể</i>	<i>403.563.714</i>	<i>403.563.714</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Đông</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>
Dài hạn	-	-

(*): Khoản đặt cọc theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2011/HĐHTKD ngày 19/7/2011 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình về việc hợp tác kinh doanh thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp văn phòng - thương mại và nhà ở Thống Nhất tại 670 Ngô Gia Tự - Long Biên - Hà Nội. Theo Hợp đồng Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình sẽ đặt cọc số tiền 30 tỷ đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Theo Công văn số 130 ngày 02/01/2013, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình đề nghị gia hạn thời gian chuyển số tiền đặt cọc 20 tỷ đồng còn lại trong năm 2013. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình vẫn chưa chuyển số tiền đặt cọc còn lại nói trên.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	62.045.455	68.181.819
Doanh thu nhận trước	62.045.455	68.181.819
Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

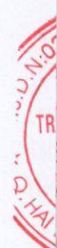
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ Đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	22.000.000.000	410.000.000	5.112.943.178	2.409.122.084	29.932.065.262					
Lãi trong năm	-	-	-	1.970.575.117	1.970.575.117					1.970.575.117
Trích lập quỹ	-	-	271.578.963	(589.537.938)	(317.958.975)					(317.958.975)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)					(1.760.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(800.000)	(800.000)					(800.000)
Tại ngày 01/01/2016	22.000.000.000	410.000.000	5.384.522.141	2.029.359.263	29.823.881.404					
Lãi trong năm	-	-	-	1.903.515.796	1.903.515.796					1.903.515.796
Trích lập quỹ	-	-	42.920.000	(233.271.580)	(190.351.580)					(190.351.580)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)					(1.760.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	22.000.000.000	410.000.000	5.427.442.141	1.939.603.479	29.777.045.620					

Trong năm 2016, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận như sau: Trích quỹ Đầu tư phát triển từ tiền thuế TNDN được miễn giảm tương ứng với 42.920.000 đồng, chia cổ tức với tỷ lệ 8% tương ứng 1.760.000.000 đồng, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền là 190.351.580 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vốn góp của nhà nước	-	4.429.830.000
Vốn góp của các đối tượng khác	22.000.000.000	17.570.170.000
Cộng	22.000.000.000	22.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.760.000.000	1.760.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	108.254.000.492	93.207.534.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.137.928.259	9.224.020.495
Cộng	116.391.928.751	102.431.555.441

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	4.029.441.195	3.894.770.913

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỆM THỐNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	2.830.452.444	-
Giảm giá hàng bán	1.527.929	-
Hàng bán bị trả lại	357.199.411	2.872.390
Cộng	3.189.179.784	2.872.390

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	90.251.563.221	80.045.810.586
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.488.603.782	3.931.607.031
Cộng	92.740.167.003	83.977.417.617

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	11.399.997.462	11.013.570.238
Chi phí nhân viên	4.071.626.140	4.349.653.163
Tiền thuê đất	3.583.215.612	1.585.054.732
Chi phí dự phòng	308.143.932	2.219.766.315
Các khoản chi phí khác	3.437.011.778	2.859.096.028
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6.628.196.471	5.636.756.449
Chi phí nhân viên	3.103.829.940	2.372.012.563
Chi phí vận chuyển, xăng, dầu	1.312.472.155	1.525.771.666
Các khoản chi phí khác	2.211.894.376	1.738.972.220

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.774.895.598	61.521.205.049
Chi phí nhân công	25.245.505.942	22.268.473.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.220.931.920	2.307.815.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.648.906.154	7.002.877.822
Chi phí khác bằng tiền	12.086.461.650	7.527.372.753
Cộng	113.976.701.264	100.627.744.304

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.595.520	143.357.447
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.624.050	37.571.208
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.287.006	48.954.918
Cộng	55.506.576	229.883.573

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỂM THỐNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	153.416.236	113.879.166
Lỗi chênh lệch tỷ giá	3.910.000	-
Phí chuyển tiền	8.957.364	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	789.210
Cộng	166.283.600	114.668.376

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.332.272.360	2.318.112.324
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	26.110.459	(53.500.018)
Cộng: chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	30.397.465	12.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.287.006	65.500.018
Thu nhập tính thuế	2.358.382.819	2.264.612.306
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	471.676.564	498.214.707
Thuế TNDN được miễn giảm theo điểm 1 điều 21 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014	42.920.000	150.677.500
Chi phí thuế TNDN hiện hành	428.756.564	347.537.207

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.903.515.796	1.970.575.117
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	190.351.580	197.057.512
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.713.164.216	1.773.517.605
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	779	806

(*): Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 số tiền 197.057.512 đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2016 ngày 26/04/2016. Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích các quỹ này.

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
USD	768,39	861,20
Nợ khó đòi đã xử lý (đồng)	261.698.100	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỆM THỐNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	Chủ tịch HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	241.751.223	-
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.835.715.672	788.356.000

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	4.675.127.439	-

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.299.295.071	14.171.375.997
Phải thu của khách hàng	20.415.868.071	20.199.208.099
Phải thu khác	1.521.949.425	1.823.638.607
Cộng	26.237.112.567	36.194.222.703
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	4.335.935.273	10.439.020.145
Chi phí phải trả	465.300.097	641.878.626
Phải trả khác	12.314.028.641	12.112.014.380
Vay và nợ thuê tài chính	2.956.468.495	4.976.544.412
Cộng	20.071.732.506	28.169.457.563
Trừ đi các khoản dự phòng	(718.974.032)	(672.528.200)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Đến 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND
Số tại ngày 31/12/2016		
Phải trả người bán	4.335.935.273	-
Chi phí phải trả	465.300.097	-
Phải trả khác	12.314.028.641	-
Vay và nợ thuê tài chính	2.956.468.495	-
Cộng	20.071.732.506	-
Số tại ngày 01/01/2016		
Phải trả người bán	10.439.020.145	-
Chi phí phải trả	641.878.626	-
Phải trả khác	12.112.014.380	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.976.544.412	-
Cộng	28.169.457.563	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

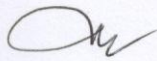
Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

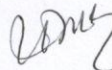
Người lập



Trần Thị Hiền

Ngô Thị Hằng

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hưng